

LD VIETSOVPETRO  
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 21/02/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		MRM+AMID	7:25	13+9	0+0		10+12	0+0	
2		P2-JS2+P1	7:25	19+0+3	0+0+0		14+0+6	0+0+0	CHUYỂN 5 PAX TỪ P2-JS2
3		P4	7:25	22	0		22	0	
4		P10+P2	7:25	8+14	0+0		5+17	0+0	
5		P3+P5+CTK3	9:25	9+12+1	0+0+0		7+11+2	0+0+0	
6		P9+AMID	9:25	5+17	0+0		5+17	0+0	
7		P7+TD3+VSP02	9:25	12+4+6	0+0+0		11+5+6	0+0+0	
8		P1	9:25	22	0		21	0	
9		JS2+BK6+PPD	11:25	17+5+0	0+0+0		4+4+8	0+0+0	
10		P3+P4	11:25	18+4	0+0		11+9	0+0	

TTBDSX



Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.  
BK5 ĐỔI CÁ VÀ XNXL ĐI QUA JS2 (NẾU GIẢN ĐÀ CẤP).



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 21/02/2018	TO: MRM - AMD	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: HUNG - LBinh - MQUAN	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KRUPNIKOV	MRM	75	1	6		100	KHOAN	Russian
2	LELNIKOV	MRM	77	1	10		91	KHOAN	Russian
3	IAREMCHENKO	MRM	51	1	7		86	KHOAN	Russian
4	TRAN SY VUONG	MRM	79	1	2		67	KHOAN	Vietnamese
5	NGO THAI BANG	MRM	80	1	3		67	KHOAN	Vietnamese
6	TRAN LAM THO	MRM	81	1	5		51	KHOAN	Vietnamese
7	MAI DAI HAI	MRM	76	1	6		71	KHOAN	Vietnamese
8	DRORIANKIN	MRM	78	1	14		104	KHOAN	Russian
9	DINH QUANG CHIEN	MRM	676	1	10		75	KHOAN	Vietnamese
10	TRINH TIEN DUNG	MRM	677-678	2	20		81	KHOAN	Vietnamese
11	BUI THAI QUY	MRM	83	1	8		65	KHOAN	Vietnamese
12	KARAVKA ANTON	MRM	50	1	4		85	KHOAN	Russian
13	VU HAI LONG	MRM	82	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
14	GRAHAM SLAPP	AMD	34	1	9	50	85	KH-THAC	Australian
15	PHAM VAN AN	AMD	36	1	8		67	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN DINH SONG	AMD	39	1	5		53	KH-THAC	Vietnamese
17	K' LOC	AMD	40	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN XUAN THANH	AMD	35	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN VAN SANH	AMD	27	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
20	TRAN NGOC THU	AMD	41	1	4		71	KH-THAC	Vietnamese
21	LE CHI CUONG	AMD	37-38	2	14		64	KH-THAC	Vietnamese
22	TRUONG DUC HUNG	AMD	42	1	6		80	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	13	14	100	1.018	0	7		
2	AMD	9	10	59	621	50	13		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>24</b>	<b>159</b>	<b>1.639</b>	<b>50</b>	<b>20</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>159</b>	<b>1.639</b>	<b>50</b>			

GRAND TOAL: 1.848 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 21-Feb-18	TO: P2 - JS2 - P1	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: Nam - MMinh - HIẾU	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KHOKLOV A.A.	P2	51	1	8		95	KH-THAC	Russian
2	KHÔNG TIẾN DUNG	P2	66	1	3		70	PVGAS	Vietnamese
3	DUONG ĐỨC HIẾU	P2	60	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
4	VŨ VIỆT THANH	P2	64-65	2	12		70	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN THÈ ANH	P2	58	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
6	TRỊNH BA ĐÔNG	P2	61	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese
7	HOANG MINH ĐỨC	P2	68	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
8	TRƯƠNG TUẤN KIẾT	P2	53	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
9	TRAC ĐỨC HUY	P2	52	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
10	VŨ NGỌC DUNG	P2	49	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN QUANG HÙNG	P2	55	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
12	LƯU VĂN TŨ	P2	60	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ VĂN ĐÔNG	P2	50	1	2		80	KH-THAC	Vietnamese
14	VŨ VĂN NAM	P2	62-63	2	7		60	KH-THAC	Vietnamese
15	VŨ VĂN THỌ	P2	67	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM NGUYỄN HOANG PHÚC	P2	59	1	7		80	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN PHŨ HỮU	P2	57	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
18	BUI THỌ DUNG	P2					60	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ ĐÌNH HUÂN	P2	54	1	5		50	KH-THAC	Vietnamese
20	PHẠM MINH TOÀN	P1	03	1	5		50	YTE	Vietnamese
21	TRẦN TRUNG KIẾN	P1	02	1	9		75	KH-THAC	Vietnamese
22	TRẦN NGỌC VĂN	P1	01	1	8		62	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	19	20	92	1.317	0	14	15	CHUYEN 05 PAX TU P2 SANG JS2
2	JS2	0	0	0	0	80	0		
3	P1	3	3	22	187	0	8		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>23</b>	<b>114</b>	<b>1.504</b>	<b>80</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>114</b>	<b>1.504</b>	<b>80</b>			

GRAND TOAL: 1.698 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 21/02/2018	TO: P4	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: Văn - MTHAO - Luy - DTùng	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN KÝ	P4	63-65	3	20		62	YTE	Vietnamese
2	VU MẠNH HÀ	P4	68	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN VAN PHONG	P4					80	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN DUY THAI	P4	75	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
5	VU BAO AN	P4	61	1	4	70	75	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN HOANG VINH	P4	80	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
7	LUONG HUU HAU	P4	70	1	10		85	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM THAI SƠN	P4	77	1	6		59	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM VĂN HOANG	P4	79	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
10	BUI MINH TUAN	P4	73	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
11	VU THANG	P4	78	1	7		95	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAN NGOC TUAN	P4	71	1	8		55	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN NHAN HAI	P4	66	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAM KHAC ĐOÀN	P4					65	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN VU HONG HA	P4	60	1	9		70	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ VĂN KHOAI	P4	62	1	3		59	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN VAN SON	P4	74	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ DUY TRUNG	P4	69	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
19	KHUONG VAN THAO	P4	67	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
20	HA TAN DUNG	P4	76	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
21	BUI QUANG SƠN	P4	59	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
22	LÊ HỒNG TRUNG	P4	72	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	22	22	129	1.561	70	22		
	<b>TOTAL</b>	<b>22</b>	<b>22</b>	<b>129</b>	<b>1.561</b>	<b>70</b>	<b>22</b>		
	<b>WEIGHT KG</b>			<b>129</b>	<b>1.561</b>	<b>70</b>			

GRAND TOAL: 1.760 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 21/02/2018	TO: P10 - P2	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:50
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: PHÚ - LHM - THẢO	ETA: 09:30
<b>TRANG-1 A</b>			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN THÈ HANH	P10	25	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
2	NG. ANH KHOA	P10	27	1	10		67	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN NGỌC LUU	P10	30	1	7		70	PSV	Vietnamese
4	BUI QUANG RANG	P10	29	1	2		80	PSV	Vietnamese
5	TRẦN VIỆT LY	P10	26	1	2		74	PSV	Vietnamese
6	TRẦN VĂN MINH	P10	28	1	3		85	PSV	Vietnamese
7	ĐỖ XUÂN CHÍNH	P10	31	1	6		64	PSV	Vietnamese
8	VŨ HỒNG OANH	P10	24	1	5	60	72	PSV	Vietnamese
9	NGUYỄN HỮU HẠ	P2	15	1	6		52	KH-THAC	Vietnamese
10	K. LING	P2	08	1	2		65	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐOÀN KHÁC CÂN	P2	17	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM SY HIỆP	P2	11	1	3		62	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN NGỌC QUANG	P2	16	1	3		65	PSV	Vietnamese
14	PHẠM VĂN HIỆP	P2	09	1	5		75	PSV	Vietnamese
15	LÊ TUNG LÂM	P2	13	1	5		63	PSV	Vietnamese
16	PHẠM HỒNG VĂN	P2	07	1	3		67	PSV	Vietnamese
17	TRẦN TRUNG KIỂM	P2	05	1	5	55	60	PSV	Vietnamese
18	TRẦN THANH LIÊM	P2	14	1	6		65	PSV	Vietnamese
19	PHAN ĐỨC THUẬN	P2	10	1	7		70	PSV	Vietnamese
20	BUI ĐỨC CHÍNH	P2	12	1	3		63	PSV	Vietnamese
21	PHAN THANH NAM	P2	01	1	5		70	PSV	Vietnamese
22	PHẠM VĂN NAM	P2	06	1	6		61	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	8	8	40	580	60	5		
2	P2	14	14	67	903	55	17		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>22</b>	<b>107</b>	<b>1.483</b>	<b>115</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>107</b>	<b>1.483</b>	<b>115</b>			

GRAND TOAL: 1.705 KGS

VSP REP.  
*[Signature]*

VNH REP.  
*[Signature]*

CAPTAIN  
*[Signature]*



# FLIGHT MANIFEST

DATE: 21/02/2018	TO: P3 - P5 - CTK3	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:30
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: HUNG - LBINH - MQUAN	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN LUONG	P3	32	1	3	18	61	GETTRACO	Vietnamese
2	NGUYEN BA THANH	P3					65	KHAI THAC	Vietnamese
3	BUI VAN BAC	P5				37	78	KH-THAC	Vietnamese
4	TRAN QUANG PHUC	P5	58	1	3	50	50	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAM TU ANH	P5	57	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
6	MAI VAN BA	P5	65	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN VAN MACH	P5	60	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
8	LE DUC THANH	P5	61	1	3		64	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN VAN KHAI	P5	59	1	4		69	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN ANH TUAN	P5	67	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
11	VU QUANG HUNG	P5	68	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN QUOC ANH	P5	66	1	7		76	KH-THAC	Vietnamese
13	TU VAN SON	P5	62	1	5		80	PSV	Vietnamese
14	DAO VAN THANG	P5	63-64	2	7		53	PSV	Vietnamese
15	NGUYEN CONG KHOAI	P5	69	1	10		65	XAYLAP	Vietnamese
16	PHAM HONG QUAN	P5	72	1	7		55	XAYLAP	Vietnamese
17	PHAM VAN VUI	P5	73	1	11		69	XAYLAP	Vietnamese
18	LE QUOC HUONG	P5	71	1	12		70	XAYLAP	Vietnamese
19	LE TRONG VAN	P5	75-76	2	19		62	XAYLAP	Vietnamese
20	PHAM NGOC TIEM	P5	70	1	16		69	XAYLAP	Vietnamese
21	LUONG VAN VIET	P5	74	1	12		61	XAYLAP	Vietnamese
22	DINH MANH DUC	CTK3	95	1	5	25	70	SANBAY	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P3	2	1	3	126	18	2		
2	P5	19	20	138	1.274	87	11		
3	CTK3	1	1	5	70	25	2		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>22</b>	<b>146</b>	<b>1.470</b>	<b>130</b>	<b>15</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>146</b>	<b>1.470</b>	<b>130</b>			

GRAND TOAL: 1.746 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 21/02/2018	TO: P9 - AMD	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:35
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: Nam - MMinh - HIẾU	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN NGOC MINH	P9	73	1	5		70	PSV	Vietnamese
2	NGUYEN VAN CHIEU	P9	74	1	5	20	60	PSV	Vietnamese
3	PHAM CONG TUAN	P9	75	1	5		70	PSV	Vietnamese
4	VUONG THI LAN	P9	71	1	5		70	PSV	Vietnamese
5	NGUYEN HUU TUYET	P9	72	1	5		50	PSV	Vietnamese
6	DUONG VAN ĐONG	AMD	95	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN DOAN DUAN	AMD	88	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN MANH HA	AMD	90	1	5		56	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAN THANH NGOAN	AMD	98-99	2	8		90	KH-THAC	Vietnamese
10	NGO VAN SAU	AMD	92	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN ANH DUNG	AMD	83	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
12	THAI BA HUNG	AMD	94	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
13	THAI NGUYEN HAI VY	AMD	96	1	10		90	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN TAN DAT	AMD	97	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN NHU BAO CHUONG	AMD	87	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN TRUNG HIEU	AMD	84-85	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN CONG THANH	AMD	2000	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN XUAN PHUONG	AMD	86	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
19	HA VAN THUY	AMD	91	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN VAN TU	AMD	82	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN XUAN THUY	AMD	93	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
22	TRAN QUANG LONG	AMD	89	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P9	5	5	25	320	20	5		
2	AMD	17	19	98	1.174	0	17		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>24</b>	<b>123</b>	<b>1.494</b>	<b>20</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>123</b>	<b>1.494</b>	<b>20</b>			

GRAND TOAL: 1.637 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 21/02/2018	TO: P7 - TD3 - VSP02	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:40
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: Vận - MTHAO - Luy - DTùng	ETA: 11:20
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG NGOC TUNG	P7	71	1	8	20	65	KH-THAC	Vietnamese
2	VU VAN HOAN	P7	79	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN HUU HUNG	P7	67	1	7		61	KH-THAC	Vietnamese
4	TRAN VAN LOI	P7	73	1	2		60	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI TRONG AN	P7	76	1	3		64	KH-THAC	Vietnamese
6	TRUONG VAN QUANG	P7	69	1	2		82	KH-THAC	Vietnamese
7	TRAN THIEN	P7	77	1	2		70	KH-THAC	Vietnamese
8	DO MANH DUNG	P7	70	1	5		51	KH-THAC	Vietnamese
9	NG. DINH TRONG	P7	78	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN CONG KHANH	P7	68	1	8		82	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN VAN DUC	P7					71	PSV	Vietnamese
12	BUI DAC CANH	P7	72	1	4		64	PSV	Vietnamese
13	NGUYEN TAT HOA	TD3				40	76	KH-THAC	Vietnamese
14	TRAN VAN THUAN	TD3	87	1	4		76	KH-THAC	Vietnamese
15	TRAN THANH SON	TD3	85	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐÔNG XUAN CHIEN	TD3	86	1	6		61	PSV	Vietnamese
17	TRAN NGOC TU	VSP02	46	1	5	10	75	PSV	Vietnamese
18	NGUYEN QUY LONG	VSP02	48	1	8		73	PSV	Vietnamese
19	HOANG VAN TRUNG	VSP02	45	1	4		81	PSV	Vietnamese
20	NGUYEN VAN TUAN	VSP02	44	1	4		77	PSV	Vietnamese
21	NGUYEN VAN HUONG	VSP02	47	1	5		64	PSV	Vietnamese
22	LE DINH ĐOAN	VSP02	43	1	5		64	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P7	12	11	52	817	20	11		
2	TD3	4	3	16	273	40	5		
3	VSP02	6	6	31	434	10	6		
TOTAL		22	20	99	1.524	70	22		
WEIGHT KG				99	1.524	70			

GRAND TOAL: 1.693 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 21/02/2018	TO: P1	AIRCRAFT: 424	ETD: 09:50
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: PHÚ - LHM - THẢO	ETA: 11:30
TRANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DUONG CONG AN	P1	50	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
2	PHAM HUU TRI	P1	58	1	7		62	KH-THAC	Vietnamese
3	VU VAN MANH	P1					80	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN QUANG THO	P1					84	KH-THAC	Vietnamese
5	LE VAN TU	P1	47	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
6	TRAN SI DU	P1	43	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐINH VAN THANG	P1	59	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
8	LE VAN THANG	P1	44	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
9	TRAN XUAN LANH	P1	42	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
10	BUI HUY NGHIEP	P1					73	KH-THAC	Vietnamese
11	VI KHAC THANH	P1	45	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
12	LUU VAN TUAN	P1	48	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
13	VU DUY KHANH	P1	54	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN KHANH DUY	P1					70	KH-THAC	Vietnamese
15	HO HUU CHUNG	P1	51	1	3		52	KH-THAC	Vietnamese
16	CAO ĐANG PHONG	P1	49	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐANG ĐUC TOANH	P1	57	1	3		57	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN ĐINH HAI	P1	46	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN TRỌNG YEN	P1	56	1	3		71	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN HUU NGHIA	P1	53	1	10		66	KH-THAC	Vietnamese
21	DUONG DUY KHUONG	P1	55	1	11		75	KH-THAC	Vietnamese
22	PHAM ĐUC BON	P1	52	1	8		60	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	22	18	103	1.491	0	22		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>18</b>	<b>103</b>	<b>1.491</b>	<b>0</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>103</b>	<b>1.491</b>	<b>0</b>			

GRAND TOAL: 1.594 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 21-Feb-18	TO: JS2 - BK6 - PPD	AIRCRAFT: 410	ETD: 11:30
FLIGHT: 09	FROM: VT	CREW: LBinh - DUONG - MQUÂN	ETA: 13:10
VANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN ĐĂNG	JS2	06	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN QUOC HOAN	JS2	08	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
3	LE NGOC THANG	JS2	05	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
4	DUONG HUU THUAN	JS2	14-15	2	15		70	CODIEN	Vietnamese
5	TRAN DINH DIEP	JS2	03	1	5		70	CODIEN	Vietnamese
6	NGUYEN DINH DUC	JS2	17	1	3		74	DSONG	Vietnamese
7	HAN DAI HAO	JS2	16	1	5		80	DVL	Vietnamese
8	LE TRUNG HIEU	JS2	21-22	2	17		75	XAYLAP	Vietnamese
9	TRAN VAN SANG	JS2	13	1	7		67	XAYLAP	Vietnamese
10	LE VAN TUNG	JS2	04	1	7		70	XAYLAP	Vietnamese
11	PHAN VAN HANH	JS2	07	1	7		80	XAYLAP	Vietnamese
12	TRAN QUANG LUU	JS2	20	1	10		63	XAYLAP	Vietnamese
13	LE HONG HAN	JS2	11-12	2	17		70	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYEN VIET HOA	JS2	09-10	2	17		60	XAYLAP	Vietnamese
15	HOANG VAN VIEN	JS2	01-02	2	15		70	XAYLAP	Vietnamese
16	ĐAM VAN QUANG	JS2	18-19	2	17		60	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYEN ĐỨC QUANG	JS2					100	PSV	Vietnamese
18	ĐAO ĐỨC HUNG	BK6					70	KH-THAC	Vietnamese
19	VU VAN HIEU	BK6	32	1	5		56	KH-THAC	Vietnamese
20	PHẠM VAN QUYEN	BK6	33-34	2	10	35	70	KH-THAC	Vietnamese
21	HUYNH PHUC AM	BK6	35-36	2	17		70	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN VAN PHE	BK6					72	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	JS2	17	22	157	1.219	0	4		
2	BK6	5	5	32	338	35	4		
3	PPD	0	0	0	0	0	9		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>27</b>	<b>189</b>	<b>1.557</b>	<b>35</b>	<b>17</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>189</b>	<b>1.557</b>	<b>35</b>			

GRAND TOAL: 1.781 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 21-Feb-18	TO: P3 - P4	AIRCRAFT: 420	ETD: 11:35
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: Nam - MTuấn - HIẾU	ETA: 13:15
TRANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN CUU	P3	15	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐỖ VĂN ĐAM	P3	10	1	3		69	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAN TRUNG CHINH	P3					66	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐỒNG VĂN THỊNH	P3	01	1	8		84	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI SY CÔNG	P3	04	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN QUỐC BÌNH	P3	11	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
7	LẠI ĐỨC BAY	P3	05	1	3	40	53	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN LE TUNG	P3	02-03	2	18		62	KH-THAC	Vietnamese
9	HOANG BA VINH	P3	06	1	3		58	KH-THAC	Vietnamese
10	DƯƠNG CÔNG ĐĂNG	P3	09	1	8		61	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAN HỒNG HAI	P3	08	1	6		63	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN VAN SOAI	P3	13	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐỖ XUÂN LONG	P3	12	1	11		72	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ BA HÒA	P3	07	1	16		76	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ VĂN DUNG	P3	17	1	7		67	CODIEN	Vietnamese
16	ĐẶNG ĐÌNH TUẤN	P3	16	1	11		70	CODIEN	Vietnamese
17	ĐỖ ĐỨC ANH	P3	14	1	12		78	CODIEN	Vietnamese
18	NGUYEN NGOC TUYEN	P4	16	1	3		62	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐOÀN HỒNG DƯƠNG	P4	18-19	2	8		67	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN BÌNH THUẬN	P4	17	1	7		67	ANTOAN	Vietnamese
21	CHU QUYNH AN	P4	85	1	7		106	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P3	17	17	126	1.163	40	10		
2	P4	4	5	25	302	0	9		
<b>TOTAL</b>		<b>21</b>	<b>22</b>	<b>151</b>	<b>1.465</b>	<b>40</b>	<b>19</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>151</b>	<b>1.465</b>	<b>40</b>			

GRAND TOAL: 1.656 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO  
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

**KẾ HOẠCH BAY NGÀY 22/02/2018**

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1	406	JS2+PVD2	7:25	21+1	0+0		14+7	0+0	
2	424	RP2+JS2+TD1	7:25	17+5+0	0+0+0		0+4+6	0+0+0	
3	406	RP2	9:25	22	0		3	0	

TTBDSX





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/02/2018	TO: JS2 - PVD2	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - Khang - Huy	ETA: 09:10
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BELAIEV	JS2	25	1	8		90	KH-THAC	Rus
2	VU BA THUAN	JS2	24	1	12		67	KH-THAC	Vietnamese
3	DINH VAN TAM	JS2	45	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN QUOC HUNG	JS2	26	1	5	58	65	KH-THAC	Vietnamese
5	STEPHEN D'CRUZ	JS2	30-31	2	17		88	KHOAN	Indian
6	AKHMAD MASFU	JS2	33	1	7		75	KHOAN	Indonesian
7	PHAN HOAI NIEM	JS2	40	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN VAN PHUC	JS2	34	1	10		67	KHOAN	Vietnamese
9	HUA QUANG TAM	JS2	28	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN THAI LAM	JS2	44	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
11	TRAN BA KHANH	JS2	23	1	13		70	KHOAN	Vietnamese
12	TRAN TUAN NGHIA	JS2	36	1	7		64	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN NGOC HAI	JS2	27	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
14	LE THANH NGOC	JS2	32	1	5		50	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN NGOC THUONG	JS2	39	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
16	LE QUYET THANG	JS2	41-42	2	10		70	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN QUANG HA	JS2	38	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN VAN CANH	JS2	37	1	10		65	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN VAN LINH	JS2	43	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
20	DAO VAN SINH	JS2	35	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
21	HO QUOC CUONG	JS2	29	1	5		50	KHOAN	Vietnamese
22	VU XUAN CANH	PVD2	59	1	10		70	DVL	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	JS2	21	23	160	1.443	58	14		
2	PVD2	1	1	10	70	0	7		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>24</b>	<b>170</b>	<b>1.513</b>	<b>58</b>	<b>21</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>170</b>	<b>1.513</b>	<b>58</b>			

GRAND TOAL: 1.741 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 22-Feb-18	TO: RP2 - JS2 - TD1	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:30
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: PHÚ - LHàI - THẢO - DSON	ETA: 09:10
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAN TRONG THANG	RP2	90	1	10	36	60	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYEN HONG YEN	RP2	92	1	15		70	XAYLAP	Vietnamese
3	HOANG BA THANG	RP2	89	1	17		60	XAYLAP	Vietnamese
4	LE HONG CUONG	RP2	80	1	10	17	70	XAYLAP	Vietnamese
5	VO VAN SON	RP2	78	1	15		54	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYEN DUC TUYEN	RP2	97-98	2	19		76	XAYLAP	Vietnamese
7	VUONG HUY HOAN	RP2	94-95	2	15		60	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYEN NGOC LONG	RP2	82-83	2	20		55	XAYLAP	Vietnamese
9	PHAM NGOC DIEU	RP2	91	1	15		72	XAYLAP	Vietnamese
10	DAO NGOC HAI	RP2	93	1	12		68	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYEN XUAN DUC	RP2	87	1	8		83	XAYLAP	Vietnamese
12	DO TIEN MANH	RP2	84-85	2	20		74	XAYLAP	Vietnamese
13	TRAN VAN HIEP	RP2	99	1	10	15	85	XAYLAP	Vietnamese
14	PHAN QUY DUNG	RP2	86	1	12		65	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYEN TRONG NHAT	RP2	96	1	10		51	XAYLAP	Vietnamese
16	HOANG VAN THUYET	RP2	79	1	6		61	XAYLAP	Vietnamese
17	LE BICH ANH	RP2	88	1	16		79	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYEN DUC MANG	JS2	28	1	12		74	KHOAN	Vietnamese
19	NGO VIET PHUONG	JS2	29	1	4		83	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYEN NGOC LANG	JS2	30	1	10		63	KHOAN	Vietnamese
21	VO THANH DOAN	JS2					67	KHOAN	Vietnamese
22	DANG VAN CHUNG	JS2					75	DVL	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	17	21	230	1.143	68	0		
2	JS2	5	3	26	362	0	4		
3	TD1	0	0	0	0	0	8		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>24</b>	<b>256</b>	<b>1.505</b>	<b>68</b>	<b>12</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>256</b>	<b>1.505</b>	<b>68</b>			

GRAND TOAL: 1.829 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 22/02/2018	TO: RP2	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:50
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - Khang - HUY	ETA: 11:15
cam-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐOÀN QUANG TRUNG	RP2	01	1	12		60	XAYLAP	Vietnamese
2	LÊ VĂN NIN	RP2	24-25	2	17		70	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN KIM HA	RP2	08	1	12		64	XAYLAP	Vietnamese
4	TRẦN XUÂN LỘC	RP2	18-19	2	17		56	XAYLAP	Vietnamese
5	HOANG XUÂN KIEN	RP2	04	1	10		70	XAYLAP	Vietnamese
6	HOANG VAN BA	RP2	09	1	15		60	XAYLAP	Vietnamese
7	TRINH ĐẶC HUNG	RP2	16-17	2	17		65	XAYLAP	Vietnamese
8	LÊ TRI HAI	RP2	22-23	2	17		65	XAYLAP	Vietnamese
9	NG VAN MANH	RP2	34-35	2	15		60	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN ĐÌNH SƠN	RP2	26-27	2	17		70	XAYLAP	Vietnamese
11	PHẠM TIẾN ĐĂNG	RP2	05	1	15		70	XAYLAP	Vietnamese
12	LÊ ĐỨC VIỆT	RP2	02-03	2	17		70	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN QUANG TUẤN	RP2	31-32	2	17		78	XAYLAP	Vietnamese
14	BUI MẠNH HA	RP2	10-11	2	15		90	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN VIỆT MINH	RP2	20-21	2	17		65	XAYLAP	Vietnamese
16	LÊ VĂN ĐÔNG	RP2	28-29	2	17		70	XAYLAP	Vietnamese
17	TRẦN ANH HIỆP	RP2	06-07	2	17		70	XAYLAP	Vietnamese
18	ĐÌNH VĂN DƯƠNG	RP2	12-13	2	17		70	XAYLAP	Vietnamese
19	PHAN ĐĂNG TUẤN	RP2	30	1	17		60	DVL	Vietnamese
20	PHAN THANH TÍNH	RP2	15	1	15		75	DVL	Vietnamese
21	TRẦN ĐẠI HUNG	RP2	33	1	12		65	DVL	Vietnamese
22	VŨ NGỌC TIẾN	RP2	14	1	5		70	DVL	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	22	35	330	1.493	0	5		
	TOTAL	22	35	330	1.493	0	5		
	WEIGHT KG			330	1.493	0			

GRAND TOAL: 1.823 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO  
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 24/02/2018

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1	410	MRM+PVD2+CLO	7:25	3+2+17	0+0+0		1+2+18	0+0+0	
2	846	RP2+TD1	7:25	12+10	0+0		0+10	0+0	
3	427	BK14+TD1	7:25	4+18	0+0		0+6	0+0	
4	846	P5+P7+RP2	9:25	3+11+8	0+0+0		1+1+0	0+0+0	CHUYEN
5	427	RP2+RC3+P1	9:25	5+2+15	0+0+0		0+0+9	0+0+0	HANG TU RP2-RC3
6	410	BK3+P4	9:25	12+10	0+0		1+9	0+0	

TPBBSX







# FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/02/2018	TO: MRM - PVD2 - CLO	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Hạnh - MTHAO - MQUÂN	ETA: 09:10
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DINH TUNG LAM	MRM	84	1	5	18	70	KHOAN	Vietnamese
2	ĐÀO VIỆT VÂN	MRM	80	1	7		74	KHOAN	Vietnamese
3	TẠ KIM VŨ	MRM	79	1	9		60	KHOAN	Vietnamese
4	BÙI TRẦN NAM	PVD2	61-62	2	15		70	KHOAN	Vietnamese
5	LE LONG	PVD2	60	1	5	32	80	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN ĐÌNH SAN	CLO	03	1	5		85	KHOAN	Vietnamese
7	ĐỖ NGỌC HOÀN	CLO	11	1	4		90	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN DUY QUANG	CLO	01-02	2	12		78	YTE	Vietnamese
9	KIRICHENKO K.P	CLO	04	1	4		70	KHOAN	Russian
10	VƯƠNG NGỌC HOÀN	CLO	13	1	4		75	KHOAN	Vietnamese
11	PHAN CÔNG PHÚ	CLO	08	1	7		82	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN TƯỜNG LONG	CLO	21	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
13	VŨ THÈ NANG	CLO	12	1	4		62	KHOAN	Vietnamese
14	ĐẶNG KIM DƯƠNG	CLO	09	1	3		71	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN VIỆT THĂNG	CLO	16	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
16	VŨ MINH TỬ	CLO	06	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
17	VŨ VĂN LONG	CLO	07	1	3	70	71	KHOAN	Vietnamese
18	LE VĂN ĐÔNG	CLO	10	1	6		63	KHOAN	Vietnamese
19	PHẠM VĂN TÂM	CLO	05	1	4		62	KHOAN	Vietnamese
20	HOANG THANH MINH	CLO	22	1	8		60	KHOAN	Vietnamese
21	ĐẶNG CÔNG THỊNH	CLO	15	1	11		80	KHOAN	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN LINH	CLO	14	1	10		68	DVL	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	3	3	21	204	18	1		
2	PVD2	2	3	20	150	32	2		
3	CLO	17	18	101	1.237	70	18		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>24</b>	<b>142</b>	<b>1.591</b>	<b>120</b>	<b>21</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>142</b>	<b>1.591</b>	<b>120</b>			

GRAND TOAL: 1.853 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 24-Feb-18	TO: RP2 - TD1	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - Linh - DKHÁNH	ETA: 09:15
cam-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ HỮU CHÍNH	RP2	49	1	10		58	KH-THAC	Vietnamese
2	HA QUANG TRUNG	RP2	50	1	10		50	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM THANH NAM	RP2	54	1	14		66	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYEN NGOC AN	RP2	48	1	10		74	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYEN VAN THO	RP2	57	1	5		72	XAYLAP	Vietnamese
6	LE VU QUANG LAM	RP2	55	1	10		60	XAYLAP	Vietnamese
7	QUAN HONG QUANG	RP2	56	1	15		70	XAYLAP	Vietnamese
8	LE CANH TU	RP2	51	1	10		60	XAYLAP	Vietnamese
9	ĐANG VĂN DÂN	RP2	47	1	7		62	XAYLAP	Vietnamese
10	LE SY HUE	RP2	52-53	2	9		64	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYEN VAN HAU	RP2	59-60	2	12		83	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYEN MINH HOAN	RP2	58	1	10		70	XAYLAP	Vietnamese
13	TRAN MẠNH HUNG	TD1					75	KHOAN	Vietnamese
14	PHAM HOA VIET	TD1	31	1	5		68	YTE	Vietnamese
15	HOANG VAN NAM	TD1	15	1	6	50	86	KHOAN	Vietnamese
16	LE BA PHUONG	TD1	53	1	10	47	72	KHOAN	Vietnamese
17	TRAN MINH THINH	TD1					77	KHOAN	Vietnamese
18	LE QUOC BAO	TD1	30	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
19	ĐINH VĂN TRỌNG	TD1					68	KHOAN	Vietnamese
20	ĐINH XUAN HOA	TD1	29	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
21	HOANG ANH TUAN	TD1	99	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
22	NGUYEN THANH LUAN	TD1	300	1	4		70	KHOAN	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	12	14	122	789	0	0		
2	TD1	10	7	40	714	97	10		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>21</b>	<b>162</b>	<b>1.503</b>	<b>97</b>	<b>10</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>162</b>	<b>1.503</b>	<b>97</b>			

GRAND TOAL: 1.715 KGS + 47KG

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/02/2018	TO: BK14 - TD1	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: Phong - MTuấn - Trường	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TÀ NGỌC THẠNH	BK14	16	1	16	65	74	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ VĂN NGHI	BK14	18	1	10		67	KH-THAC	Vietnamese
3	VŨ CHÍ CÔNG	BK14	17	1	9	40	53	KH-THAC	Vietnamese
4	NHÂM HOÀNG SƠN	BK14	23	1	8		67	KH-THAC	Vietnamese
5	HOÀNG VĂN MINH	TD1	12	1	3		60	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN ĐĂNG LAM	TD1	02	1	4		62	KHOAN	Vietnamese
7	TRANG NGỌC HÙNG	TD1	04	1	10		60	KHOAN	Vietnamese
8	HA THANH TUNG	TD1	01	1	5		91	KHOAN	Vietnamese
9	QUÁCH THẾ ANH	TD1	10	1	8		68	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN TRỌNG MẠO	TD1					80	NHA THAU	Vietnamese
11	PHAN ĐÌNH NHẬT	TD1	22-23	2	18		67	NHA THAU	Vietnamese
12	PHẠM PHU QUỐC	TD1	19	1	6		80	NHA THAU	Vietnamese
13	MAI HOÀNG HÀ	TD1	20	1	7		59	NHA THAU	Vietnamese
14	ĐỖ LÊ PHƯƠNG VŨ	TD1	13-14	2	18		60	NHA THAU	Vietnamese
15	LÊ HOÀI THIÊN	TD1	06	1	15		77	DVL	Vietnamese
16	NGUYỄN HỮU HÀ	TD1	15	1	11		71	DVL	Vietnamese
17	CU NGỌC HỒNG	TD1	11	1	7		78	DVL	Vietnamese
18	PHAN THANH TÀI	TD1	03	1	6		57	DVL	Vietnamese
19	TRẦN ANH VINH	TD1	05	1	7		60	DVL	Vietnamese
20	NGUYỄN HỮU TRIẾT	TD1	07	1	10		63	DVL	Vietnamese
21	LÊ QUANG HÀ	TD1	08-09	2	9		70	XAYLAP	Vietnamese
22	DUYÊN TRUNG CHƯƠNG	TD1	16	1	5		77	XAYLAP	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK14	4	4	43	261	105	0		
2	TD1	18	20	149	1.240	0	6		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>24</b>	<b>192</b>	<b>1.501</b>	<b>105</b>	<b>6</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>192</b>	<b>1.501</b>	<b>105</b>			

GRAND TOAL: 1.798 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 24-Feb-18	TO: P5 - P7 - RP2	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:35
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - Linh - DKHÁNH	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ XUÂN CHÍNH	P5	93	1	6		70	XAYLAP	Vietnamese
2	PHAM VAN CHINH	P5	94	1	15	20	70	XAYLAP	Vietnamese
3	DINH VAN LUU	P5	92	1	8		50	PSV	Vietnamese
4	ĐINH VŨ TIẾN	P7	58	1	14		74	XAYLAP	Vietnamese
5	BUI VAN THIET	P7	55	1	10		68	XAYLAP	Vietnamese
6	HUYNH ĐỨC TAM	P7	59	1	8		60	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN SƠN	P7	60	1	8		55	XAYLAP	Vietnamese
8	PHAM MINH TRUNG	P7	61	1	12		62	XAYLAP	Vietnamese
9	BIỆN XUAN THANG	P7	53-54	2	17		64	XAYLAP	Vietnamese
10	ĐỖ XUÂN HIỆP	P7	63	1	16		70	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN TIẾN ĐỀ	P7	52	1	17		55	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN TRẦN	P7	56-57	2	17		70	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN THANH HÙNG	P7	51	1	12		71	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN XUÂN HẠNH	P7	62	1	6		72	PSV	Vietnamese
15	NGUYỄN ĐẠI HẢI	RP2	68-69	2	12		73	XAYLAP	Vietnamese
16	THỊNH TUẤN HẢI	RP2	66	1	13		80	XAYLAP	Vietnamese
17	PHAN HUY HÙNG	RP2	70-71	2	16		72	XAYLAP	Vietnamese
18	LÊ NGỌC CUÔNG	RP2	61-62	2	16		67	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN TRUNG SỸ	RP2	65	1	13		55	XAYLAP	Vietnamese
20	PHAM VĂN ĐỊNH	RP2	67	1	17		74	XAYLAP	Vietnamese
21	TRẦN MẠNH HÙNG	RP2	63	1	16	15	85	XAYLAP	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN QUÂN	RP2	64	1	17		60	XAYLAP	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P5	3	3	29	190	20	1		
2	P7	11	13	137	721	0	1		
3	RP2	8	11	120	566	15	0		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>27</b>	<b>286</b>	<b>1.477</b>	<b>35</b>	<b>2</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>286</b>	<b>1.477</b>	<b>35</b>			

GRAND TOAL: 1.798 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/02/2018	TO: RP2 - RC3 - P1	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:40
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: Phong - MTuấn - Trường	ETA: 11:20
TRANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU NGOC TU	RP2	97	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN XUAN ĐÔNG	RP2	98-99	2	18		66	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN MẠNH THƯỜNG	RP2	95	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
4	LAI ANH TUAN	RP2	96	1	10	36	105	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN ĐỨC MẠNH	RP2	94	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐOAN TRỌNG TUƠNG	RC3	93	1	9		83	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN HỮU LONG	RC3	99	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN TRƯỞNG BIÊN	P1	65	1	10		66	XAYLAP	Vietnamese
9	TRẦN MẠNH VƯƠNG	P1	60-61	2	18		73	XAYLAP	Vietnamese
10	HOANG VAN DUNG	P1	66-67	2	18		65	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN AI	P1	62-63	2	18		60	XAYLAP	Vietnamese
12	ĐÌNH QUANG SƠN	P1	68	1	14		55	XAYLAP	Vietnamese
13	LÊ QUÝ BƯỞNG	P1	70-71	2	18		65	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN XUÂN LỘC	P1	64	1	18		60	XAYLAP	Vietnamese
15	LE VAN Y	P1	69	1	10		72	XAYLAP	Vietnamese
16	MAI SINH CUNG	P1	72-73	2	14		65	T-TIN	Vietnamese
17	TRƯỜNG QUANG TỰU	P1	75	1	8		70	T-TIN	Vietnamese
18	TRẦN VĂN TRƯỜNG	P1	76	1	5		68	PSV	Vietnamese
19	PHAN TRỌNG MINH	P1	77	1	4		68	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN XUÂN THÔNG	P1	78	1	4	20	60	PSV	Vietnamese
21	TRẦN DUY HIỆU	P1	74	1	5		65	PSV	Vietnamese
22	ĐÀO VĂN DUNG	P1	79	1	4		70	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	5	6	54	386	36	0		CHUYEN 60KG HANG RP2 SANG RC3
2	RC3	2	2	19	158	0	0		
3	P1	15	20	168	982	20	9		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>28</b>	<b>241</b>	<b>1.526</b>	<b>56</b>	<b>9</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>241</b>	<b>1.526</b>	<b>56</b>			

GRAND TOAL: 1.823 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/02/2018	TO: BK3 - P4	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:30
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: Hạnh - MTHAO - MQUÂN	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN THUY	BK3	97	1	8		67	D-HANH	Vietnamese
2	NGUYEN HAM HA	BK3	96	1	10		58	DVL	Vietnamese
3	NGUYEN VAN HOAN	BK3	08	1	14		77	XAYLAP	Vietnamese
4	ĐỖ XUÂN ĐĂNG	BK3	09	1	13	60	79	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYEN NHAT LINH	BK3	04	1	15		75	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYEN QUANG THOA	BK3	05	1	15		65	XAYLAP	Vietnamese
7	LE VIET HUY	BK3	99	1	12		63	XAYLAP	Vietnamese
8	TRAN XUAN MAI	BK3	01	1	17		61	XAYLAP	Vietnamese
9	TRAN VAN HANH	BK3	02-03	2	18		63	XAYLAP	Vietnamese
10	LE VIET ANH DUC	BK3	98	1	8		74	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYEN XUAN THUY	BK3	06-07	2	15		50	XAYLAP	Vietnamese
12	HA VAN NIEM	BK3	200	1	4		65	PSV	Vietnamese
13	PHAM VAN TU	P4	05	1	5		55	PSV	Vietnamese
14	LE ĐAM	P4	06	1	5		66	PSV	Vietnamese
15	NGUYEN VIET DUNG	P4	02	1	5		81	PSV	Vietnamese
16	BUI VAN MUOI	P4	07	1	4	60	53	PSV	Vietnamese
17	NGUYEN VAN HOANG	P4	08	1	4		75	PSV	Vietnamese
18	NGUYEN TRUNG THANG	P4	03	1	4		82	PSV	Vietnamese
19	ĐỖ KHÁC ĐA	P4	01	1	2		65	PSV	Vietnamese
20	NGUYEN VAN AI	P4	04	1	3		56	PSV	Vietnamese
21	PHAM ĐỨC CANH	P4					60	PSV	Vietnamese
22	NGUYEN THE NAM	P4	09	1	5		55	PSV	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK3	12	14	149	797	60	1		
2	P4	10	9	37	648	60	9		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>23</b>	<b>186</b>	<b>1.445</b>	<b>120</b>	<b>10</b>		
<b>WEIGHT KG</b>				<b>186</b>	<b>1.445</b>	<b>120</b>			

GRAND TOAL: 1.751 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN